TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ C** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 135/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 21 – 6 – 2023
V/v "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ C

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Hân
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Hà Trọng Tâm
2. Ông Huỳnh Minh Bền

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Tô Huyền Trang, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Ngày 21 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 159/2023/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2023 về việc "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 173/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự.

Nguyên đơn: Chị **Trần Thị Kiều N**, sinh năm: 1986. (có mặt)
Địa chỉ cư trú: Khóm C1, phường Th, thành phố C, tỉnh Cà Mau.
Bị đơn: Anh **Phạm Thiện Đ**, sinh năm: 1988. (vắng mặt)
Địa chỉ cư trú: Khóm C1, phường Th, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Trần Thị Kiều N trình bày và xác định yêu cầu như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phạm Thiện Đ chung sống với nhau năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thành phố C, tỉnh Cà Mau vào ngày 13/5/2008. Thời gian vợ chồng chung sống, chị và anh Đ phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cải. Cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, chị và anh Đđã ly thân từ năm 2014 cho đến nay. Mục đích hôn nhân không đạt được, chị xin ly hôn anh Đ.

- Về con chung: Chị và anh Phạm Thiện Đ có 01 người con chung tên Phạm Trần Thiên Ph, sinh ngày 31/10/2011, đang sống chung với chị. Khi ly hôn, chị N yêu cầu nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

Tại văn bản trình bày ý kiến ngày 07/6/2023, anh Phạm Thiện Đ trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Năm 2008 anh và chị Trần Thị Kiều N xác lập quan hệ vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Th, thành phố C, tỉnh Cà Mau. Chị N yêu cầu ly hôn với anh, anh đồng ý ly hôn chị N.

- Về con chung: Anh và chị Trần Thị Kiều N có 01 người con chung tên Phạm Trần Thiên Ph, sinh ngày 31/10/2011, đang sống chung với chị N. Anh đồng ý giao con chung cho chị N nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

- Về tố tụng: Anh Phạm Thiện Đ xin vắng mặt trong suốt quá trình Toà án giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng dân sự: Chị Trần Thị Kiều N và anh Phạm Thiện Đ chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Nay chị N xin ly hôn. Anh Đ có địa chỉ cư trú tại thành phố Cà Mau và anh yêu cầu Toà án giải quyết vụ án vắng mặt anh. Do đó Toà án nhân dân thành phố C thụ lý giải quyết và Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Đ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy chị Trần Thị Kiều N và anh Phạm Thiện Đ chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên hôn nhân của chị N và anh Đ được pháp luật công nhận. Chị N xác định thời gian chị và anh Đ chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn không hòa giải được, chị và anh Đ ly thân đã lâu, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin ly hôn. Anh Đ đồng ý ly hôn chị N. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N.

[3] Về con chung: Chị N và anh Đ đều xác định vợ chồng có 01 người con chung tên Phạm Trần Thiên Ph, sinh ngày 31/10/2011, đang sống chung với chị N. Chị N yêu cầu nuôi dưỡng con chung; anh Đ đồng ý giao con cho chị N nuôi dưỡng; cháu Ph có nguyện vọng sống chung với chị N nếu cha mẹ cháu ly hôn. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu Ph cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Chị N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét. Anh Đ không trực tiếp nuôi con, có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định pháp luật.

[4] Về tài sản chung: Chị N và anh Đ xác định vợ chồng không có tài sản chung. Đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

[5] Về nợ chung: Chị N và anh Đ xác định vợ chồng không có nợ chung. Không ai yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và Gia đình: Chị N là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;
- Căn cứ các Điều 147, 227, 228, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ điểm a khoản 5 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1 - Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị Kiều N về việc xin ly hôn anh Phạm Thiện Đ.

2 - Về con chung: Giao con chung của chị Trần Thị Kiều N và anh Phạm Thiện Đ tên Phạm Trần Thiên Ph, sinh ngày 31/10/2011 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Không đặt ra việc cấp dưỡng nuôi con. Anh Đ không trực tiếp nuôi con, có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3 - Về tài sản chung: Không có.

4 - Về nợ chung: Không ai yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

5 - Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và Gia đình: Chị Trần Thị Kiều N phải chịu 300.000 đồng. Ngày 17/3/2023, chị N đã nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cbiên lai thu số 0003046) được đối trừ, chuyển thu nộp ngân sách Nhà nước.

6 - Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị Kiều N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Phạm Thiện Đ vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND Tp. Cà Mau;
- Chi cục THADS Tp. Cà Mau;
- UBND xã T, thành phố C, tỉnh Cà Mau.
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: Hồ sơ; Văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Ngọc Hân